**T69: TỪ CHỈ ĐẶC ĐIỂM. CÂU KHIẾN**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Kiến thức**

- Tìm được từ chỉ đặc điểm trong đoạn thơ. Nhận biết được câu khiến ( nêu được dấu hiệu nhận biết); đặt được câu khiến trong cá tình huống khác nhau.

**2. Năng lực**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Nêu được nội dung bài.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia đọc trong nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương, đất nước qua bài thơ.

- Phẩm chất nhân ái: Biết yêu quý bà và những người thân qua bài thơ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. Đồ dùng dạy học.**

**-** Máy soi, BGĐT

**III. Các hoạt động dạy học chủ yếu.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động: 2-3’**- GV cho HS khởi động- Kết nối+ Em đã làm những việc gì để thể hiện tình cảm yêu thương đối với người thân của em?- GV nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS hát và vận động tại chỗ- HS trả lời- Lắng nghe |
| **2. Luyện tập** 25-27’ |
| **Hoạt động 1: Tìm từ chỉ đặc điểm có trong đoạn thơ dưới đây:****-** GV trình chiếu trên màn hình* HS trình bày trước lớp.
* GV và HS nhận xét, chốt đáp án trên màn hình: dịu dàng, đảm đang, tần tảo, vụng về
* GV giải nghĩa: đảm đang, tần tảo
* Em hãy tìm thêm các từ chỉ đặc điểm khác
* Gv Yc đặt câu với từ tìm được.
 | * HS đọc yêu cầu của bài
* HS đọc thầm đoạn thơ
* 2 HS đọc trước lớp
* Nhóm đôi trao đổi tìm từ chỉ đặc điểm có trong đoạn thơ
* HS lắng nghe, quan sát trên màn hình và đọc lại

- HS trả lời |
| **Hoạt động 2: Ghép mỗi câu sau với kiểu câu thích hợp*** GV nhắc lại công dụng của câu kể, câu cảm, câu khiến.
* HS trả lời trước lớp
* Gv và HS chốt câu trả lời đúng:

**GV hỏi:** *Câu khiến dùng để làm gì? Cuối câu có dấu gì?**+ Câu cảm dùng để làm gì? Cuối câu cảm có dấu gì?***Chốt**: Tác dụng và dấu hiệu nhận biết câu kể, câu cảm. Giới thiệu câu cầu khiến | * HS đọc yêu cầu của bài
* HS đọc từng câu và đối chiếu với 3 kiểu câu để chọn câu phù hợp.
* Trình bày miệng

- Trả lời |
| **Hoạt động 3: Nêu dấu hiệu nhận biết câu khiến*** GV cho HS đọc, phân tích câu khiến ở bài tập 2.
* HS trình bày trước lớp.
* GV và HS chốt đáp án: Trong câu có dấu chấm than và có từ “đi”
* Chốt: Cuối câu khiến thường có dấu gì?
 | * HS đọc yêu cầu bài tập 3
* HS trao đổi theo nhóm: Tìm dấu hiệu nhận biết câu khiên trong câu trên.
* Trả lời
* Lắng nghe
 |
| **Hoạt động 4: Sử dụng các từ *hãy, đứng, chớ, đi, thôi, nào, nhé*  để đặt câu khiến trong mỗi tình huống dưới đây:*** GV và HS cùng phân tích:

+ 1 HS đọc tình huống+ Soi bài* Chốt: *Câu khiến dùng đẻ làm gì? Cuối câu khiến có dấu gì? Dựa vào những từ ngữ nào để ta biết đó là câu khiến?*

**3. Củng cố 1-2’****-** Gv nhận xét tiết học | * HS đọc yêu cầu bài tập 2
* Hs đọc lại yêu cầu của bài và các tình huống, đặt câu với mỗi tình huống.
* HS làm vào vở
* Nhóm đôi trao đổi.
* Trình bày bài làm
* Nhận xét
* Lắng nghe
 |